

CẢI CÁCH THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TRONG THỜI ĐẠI SỐ: HƯỚNG TỚI HIỆU QUẢ VÀ CÔNG BẰNG

PGS.TS. Lê Xuân Trường* - TS. Lê Anh Tuấn** - TS. Nguyễn Phùng Thu Hằng***

Bài báo này phân tích sự thay đổi của các điều kiện kinh tế - xã hội tác động đến pháp luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN), chỉ ra các khoảng trống pháp lý và phân tích các tiềm năng mở rộng cơ sở thuế TNCN đối với một số khoản thu nhập liên quan mật thiết đến sự phát triển của nền kinh tế số như: Tài sản số, sản xuất nội dung số... Bài báo cũng đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung về thu nhập chịu thuế, thuế suất và giảm trừ gia cảnh trong Luật thuế TNCN để phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế số và đảm bảo công bằng xã hội trong điều tiết thu nhập.

• Từ khóa: công bằng, kinh tế số, cơ sở thuế, thuế TNCN, thu nhập chịu thuế.

This paper analyzes the changes in socio-economic conditions affecting the personal income tax (PIT) law, points out legal gaps and analyzes the potential for expanding the PIT base closely related to the development of the digital economy such as: Digital assets, digital content production, etc. The paper also proposes to amend and supplement some contents on taxable income, tax rates and family deductions in the PIT Law in the context of the digital economy and to ensure social fairness in income distribution.

• Key words: equity, digital economy, tax base, personal income tax, taxable income.

Ngày nhận bài: 11/10/2025

Ngày gửi phản biện: 15/10/2025

Ngày duyệt đăng: 29/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i299.11>

Nhận diện các khoảng trống pháp lý của Luật thuế TNCN

Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2009, đã được sửa đổi, bổ sung 2 lần vào các năm 2012 và 2014. Kể từ lần sửa đổi, bổ sung gần nhất năm 2014 đến nay sau 10 năm đã có nhiều thay đổi về các điều kiện kinh tế - xã hội, đặc biệt là sự phát triển rất mạnh mẽ của nền kinh tế số. Điều này đã ảnh hưởng nhiều mặt đến pháp luật về thuế TNCN. Trong đó, thực tiễn cho thấy đã xuất hiện các khoảng trống pháp lý và các hạn chế, bất cập của thuế TNCN. Cụ thể như sau:

Một là, Luật thuế TNCN hiện hành quy định 10 khoản thu nhập chịu thuế TNCN, trong đó, có 2 khoản thu nhập có tính chất thuế lãi vốn, tức là

khoản thuế đánh vào lãi thu được từ việc bỏ vốn mua một tài sản để bán lại nhằm mục đích kiếm lời (Capital Gains Tax), đó là: (1) Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; và (2) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn (bao gồm cả chuyển nhượng phần vốn trong các doanh nghiệp và chuyển nhượng chứng khoán). Thực tiễn hoạt động nền kinh tế, hiện có một số khoản có tính chất bỏ vốn mua một tài sản nhất định nhằm mục đích bán lại kiếm lời là vàng và tài sản số và chuyển nhượng tên miền internet. Hiện nay, các tổ chức kinh doanh vàng và hộ kinh doanh vàng đã phải nộp các khoản thuế theo quy định pháp luật (Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và thuế TNCN). Tuy nhiên, các cá nhân mua vàng sau đó đem bán lại vẫn chưa thuộc diện phải nộp thuế TNCN. Một số nước trên thế giới đã đánh thuế thu nhập từ lãi vốn đối với cá nhân khi bán vàng, chẳng hạn như Hoa Kỳ (Lauren Kelly, 2025), Anh, Ý, Cộng hòa Ireland và Canada (Orobel, 2025). Về tài sản số và tên miền internet, trong những năm gần đây, sau sự khởi đầu của Bitcoin, thế giới đã chứng kiến hàng loạt sự ra đời của tài sản số khác như Dogecoin, Litecoin, Cronos, Toncoin, Ethereum... mà một số quốc gia gọi là tiền kỹ thuật số (Cryptocurrencies). Trong những năm gần đây, thực tế ở Việt Nam đã xuất hiện một số tài sản mã hóa và có nhiều giao dịch nhưng chưa có cơ sở pháp lý để quản lý loại tài sản này. Với sự ra đời của Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2026, Việt Nam đã chính thức tạo lập cơ sở pháp lý thừa nhận sự tồn tại và phát triển của tài sản số. Theo Luật này, tài sản số là tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015, được thể hiện dưới dạng dữ liệu số, được tạo

* Học viện Tài chính

** Bộ Tài chính

*** Trường Công nghệ, Đại học Kinh tế quốc dân

lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực bởi công nghệ số trên môi trường điện tử. Điều này cho thấy tiềm năng thực tế và cơ sở pháp lý cho việc mở rộng cơ sở thuế đối với thu nhập từ hoạt động đầu tư vào loại tài sản này.

Hai là, đối với thu nhập từ kinh doanh, Luật thuế TNCN hiện hành xác định cụ thể bao gồm: Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; và thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật. Quy định như vậy, về phương diện pháp lý tuy có thể vận dụng để điều tiết thu nhập của cá nhân có hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số, nhưng không chặt chẽ, đặc biệt trong bối cảnh các hoạt động này liên quan đến hoạt động trong môi trường số có sự chia sẻ với các đối tượng cung cấp dịch vụ của các quốc gia khác trên thế giới.

Ba là, theo quy định của Luật thuế TNCN hiện hành, các khoản thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng bao gồm: Chứng khoán, phần vốn trong các doanh nghiệp, bất động sản và các tài sản phải đăng ký sở hữu, đăng ký sử dụng với cơ quan nhà nước. Cơ sở của quy định này là đánh thuế vào các tài sản nhận thừa kế/nhận quà tặng có giá trị lớn và có thể kiểm soát được. Điều này, vô hình trung, bỏ qua các khoản tài sản có giá trị lớn nhưng khó kiểm soát hoặc gần như không kiểm soát được. Tuy nhiên, cùng với sự thay đổi của điều kiện công nghệ và năng lực quản lý, khả năng kiểm soát các giao dịch với các tài sản giá trị lớn của các cơ quan nhà nước cũng ngày một tốt hơn.

Bốn là, một số khoản thu nhập đang trong vùng xám trong xác định thu nhập chịu thuế, dẫn đến không có cơ sở pháp lý để đánh thuế hoặc xác định đối tượng chịu thuế không đúng với bản chất của khoản thu nhập. Chẳng hạn như, một doanh nghiệp tổ chức tiệc tất niên cuối năm có tổ chức bốc thăm trao quà cho toàn bộ người tham gia, bao gồm cả người lao động trong doanh nghiệp và khách mời là đại diện của các đối tác kinh doanh, khách hàng của doanh nghiệp. Với việc bốc thăm ngẫu nhiên, có người nhận được quà tặng bằng tiền mặt, có người được nhận quà tặng là hiện vật như: Điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy giặt, xe mô tô... Đối với người lao động trong doanh nghiệp, dù bốc thăm trúng thưởng được tiền mặt hay hiện vật thì về bản chất đều được xác định là thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công. Tuy nhiên, đối với khách mời của doanh nghiệp thì không thể xác định rõ đây là khoản thu nhập nào để tính thuế

TNCN theo quy định pháp luật hiện hành. Xét về bản chất thì đây là quà tặng. Tuy vậy, đối tượng là quà tặng chịu thuế không tính đối với tiền mặt, điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy giặt, cho dù giá trị quà tặng có thể lên vài chục triệu đồng. Trong ví dụ này, khi xác định là quà tặng thì chỉ có thể tính thuế TNCN đối với nhận quà tặng là xe mô tô có giá trị trên 10 triệu đồng. Trường hợp tặng cho khách mời, nếu xem là trúng thưởng khuyến mại thì thiếu cơ sở pháp lý vì trong trường hợp này doanh nghiệp không thực hiện chương trình khuyến mại. Đây chính là khoảng trống pháp lý tạo ra thất thu thuế tiềm năng. Ngoài ra, thông tư hướng dẫn thuế TNCN quy định thu nhập từ nhận làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp được sắp xếp là thu nhập từ kinh doanh, nhưng một số khoản thu nhập có bản chất tương tự lại được xếp vào nhóm thu nhập từ tiền lương, tiền công (Tiền hoa hồng đại lý bán hàng hóa, tiền hoa hồng môi giới, tiền dịch vụ khác).

Năm là, diện miễn thuế TNCN chưa thực sự phù hợp làm hẹp cơ sở thuế. Theo pháp luật thuế TNCN hiện hành quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản và thu nhập từ nhận thừa kế, nhận quà tặng của các đối tượng sau: Vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau. Quy định như vậy, về cơ bản là phù hợp, vì bất động sản chính là loại tài sản được sử dụng phục vụ cho một trong ba nhu cầu cơ bản của con người là nhu cầu về chỗ ở mà lại được chuyển nhượng hoặc tặng/nhận thừa kế giữa những đối tượng có quan hệ thân nhân rất gần như vậy là cần thiết và hợp lý. Tuy nhiên, việc không giới hạn giá trị miễn thuế dẫn đến bỏ qua khả năng đánh thuế TNCN đối với những người được nhận quà tặng, nhận thừa kế với giá trị vô cùng lớn.

Sáu là, thuế suất thuế TNCN còn một số hạn chế như sau:

(1) Số lượng thuế suất đối với thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú quá nhiều (7 mức thuế suất) và các bậc thuế suất quá dày, đặc biệt là ở những bậc đầu tiên. Điều này làm cho mức điều tiết thuế TNCN tăng quá nhanh đối với những người có thu nhập trung bình và trung bình cao, không hợp lý trong tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội. Thêm vào đó, các bậc thu nhập trong biểu thuế được ban hành từ năm 2007, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2009 nhưng đến nay sau 16 năm

áp dụng chưa sửa đổi, trong khi đó, GDP bình quân đầu người đã tăng 3,8 lần (Năm 2009 là 1.226,17 USD và năm 2024 là 4.717,29 USD).

(2) Mức thuế suất đối với nhận thừa kế, nhận quà tặng chỉ áp dụng một mức thuế suất đơn nhất, không đánh lũy tiến cũng chưa thực sự đảm bảo công bằng trong điều tiết thu nhập.

(3) Mức thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản chưa tính đến thời gian nắm giữ bất động sản nên chưa góp phần tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội và chưa góp phần hạn chế đầu cơ bất động sản.

(4) Cách xác định thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản và chuyển nhượng chứng khoán chỉ duy nhất theo tỷ lệ % trên giá chuyển nhượng mà không có lựa chọn áp dụng theo lãi chuyển nhượng không còn phù hợp điều kiện thực tiễn, không phản ánh đúng bản chất của khoản thuế tính trên thu nhập từ lãi vốn.

Bây là, một số bất cập trong quy định về giảm trừ gia cảnh. Cụ thể như sau: Các khoản giảm trừ chưa tính đầy đủ chi phí thiết yếu về giáo dục, y tế của người nộp thuế và người phụ thuộc. Yếu tố xác định điều chỉnh mức giảm trừ là sự biến động chỉ số giá tiêu dùng CPI không phản ánh đầy đủ sự thay đổi về mức sống và chi phí của người nộp thuế. Thẩm quyền điều chỉnh giảm trừ là Ủy ban Thường vụ Quốc hội khiến cho thủ tục pháp lý thực hiện giảm trừ chậm, không kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Khuyến nghị sửa đổi, bổ sung Luật thuế TNCN

Để lấp đầy khoảng trống pháp lý, khai thác hợp lý các khoản thu tiềm năng, khắc phục những hạn chế, bất cập trong Luật thuế TNCN hiện hành và đảm bảo công bằng hơn trong điều tiết thu nhập, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật thuế TNCN trên các phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, nên sắp xếp lại, bổ sung và giải thích rõ hơn đối với thu nhập từ kinh doanh. Theo đó, một số khoản thu nhập có bản chất là thu nhập từ kinh doanh hiện nay đang được quy định là thu nhập từ tiền lương, tiền công tại văn bản quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNCN cần được sắp xếp vào thu nhập từ kinh doanh, đó là các khoản hoa hồng đại lý bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, hoa hồng môi giới và các khoản tiền dịch vụ của cá nhân. Đồng thời, bổ sung và làm rõ thêm các khoản thu nhập từ kinh doanh cho bao quát hết các khoản thu nhập phát sinh trong điều kiện phát triển của nền kinh tế số.

Thứ hai, nên bổ sung và kết cấu lại các khoản thu nhập có bản chất là thu nhập từ lãi vốn (Capital Gains Tax). Theo đó, nên gộp chung thu nhập từ chuyển nhượng vốn và thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản vào một khoản với tên gọi là “Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản”. Đồng thời, khi liệt kê các khoản thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng tài sản, bên cạnh hai khoản gộp chung này, cần bổ sung thêm 3 khoản như sau (1) Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số theo quy định của pháp luật về công nghiệp công nghệ số; (2) Thu nhập từ chuyển nhượng vàng; (3) Các khoản thu nhập từ chuyển nhượng các tài sản khác theo quy định của Chính phủ.

Thứ ba, nên bổ sung vào thu nhập từ nhận thừa kế, nhận quà tặng đối với các tài sản khác: Tài sản số, tiền gửi ở ngân hàng và tổ chức tín dụng và các tài sản khác theo quy định của Chính phủ. Về nền tảng kỹ thuật, tài sản số được thiết lập và giao dịch trên nền tảng số nên hoàn toàn có thể quản lý, kiểm soát bằng công nghệ. Đối với tiền gửi ở ngân hàng và tổ chức tín dụng việc bổ sung vào thu nhập chịu thuế có thể gây lo ngại về khả năng chuyển đổi sang cho, tặng bằng tiền mặt. Trong điều kiện hiện nay, trong trường hợp giá trị tiền gửi rất lớn, khả năng chuyển đổi thành tiền mặt để thực hiện nhận thừa kế hay cho, tặng cũng khó khả thi những lo ngại về sự an toàn của giao dịch. Đồng thời, cần đặt quy định này trong điều kiện chúng ta đang tăng cường chuyển đổi số và minh bạch hóa mọi hoạt động kinh tế. Khi mọi hoạt động của nền kinh tế được số hóa, mọi khoản thu nhập của cá nhân được minh bạch hóa trong môi trường số thì quy định này sẽ ngày càng khả thi hơn. Điều quan trọng là cần tạo ra cơ sở pháp lý để quản lý thu các khoản này khi điều kiện thực tiễn cho phép.

Thứ tư, ngoài việc bổ sung thêm thẩm quyền của Chính phủ trong quy định các khoản thu nhập khác đối với nhóm thu nhập từ chuyển nhượng tài sản và thu nhập từ nhận thừa kế, nhận quà tặng, cần bổ sung thêm một khoản riêng vào điều quy định về thu nhập chịu thuế với tên gọi “Các khoản thu nhập khác theo quy định của Chính phủ”. Trước mắt Chính phủ có thể quy định bổ sung thu nhập từ sản xuất nội dung số của cá nhân vào diện chịu thuế. Về lâu dài, có thể bổ sung thêm thu nhập chịu thuế tùy theo sự phát triển kinh tế - xã hội mà không cần sửa đổi Luật thuế TNCN.

Thứ năm, nên thu hẹp diện thu nhập miễn thuế đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con

đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau. Theo đó, vẫn thực hiện miễn thuế đối với những đối tượng này nhưng nên áp dụng một ngưỡng giá trị bất động sản được miễn thuế để mở rộng cơ sở thuế và đảm bảo công bằng hơn trong điều tiết thu nhập. Mấu chốt của vấn đề để đảm bảo tính khả thi và hợp lý khi sửa đổi trường hợp miễn thuế này là việc xác định ngưỡng giá trị bất động sản được miễn thuế. Để xác định ngưỡng này, cần thu thập dữ liệu về giá trị bất động sản trên thị trường. Từ đó, xác định ngưỡng giá trị đảm bảo chỉ đánh thuế vào việc nhận thừa kế, nhận quà tặng các bất động sản giá trị cao hơn mức trung bình chung của nền kinh tế.

Thứ sáu, về thuế suất, nên nghiên cứu điều chỉnh thuế suất đối với tiền lương, tiền công và một số khoản thu nhập khác. Cụ thể như sau:

- Dự thảo Luật thuế TNCN đề xuất 2 phương án điều chỉnh thuế suất thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú. Cả hai phương án này đều giảm số lượng thuế suất và bậc thuế trong biểu thuế lũy tiến từ 7 mức xuống 5 mức với mức thuế suất thấp nhất giữ nguyên là 5% và mức thuế suất cao nhất giữ nguyên là 35% nhưng các bậc giữa các mức thuế suất có khác nhau. Ngoài ra, phương án 2 nâng ngưỡng thu nhập tính thuế ở mức thuế suất cao nhất theo quy định hiện hành từ 960 triệu đồng/năm lên 1.200 triệu đồng/năm. Chúng tôi cho rằng, cần nghiên cứu điều chỉnh khoảng cách giữa các bậc thuế suất rộng hơn và nâng ngưỡng thu nhập tính thuế ở mức thuế suất cao hơn. Theo thông lệ quốc tế, tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi nước mà ngưỡng thu nhập tính thuế ở mức thuế suất cao nhất thường bằng khoảng từ 8 đến 10 lần GDP bình quân đầu người. Như vậy, nên nâng ngưỡng thu nhập chịu mức thuế suất cao nhất lên 1.500 triệu đồng/năm để đảm bảo tính lũy tiến phù hợp, một mặt, đảm bảo điều tiết cao hơn vào thu nhập cao, mặt khác, tạo động lực lao động cho lực lượng lao động chất lượng cao. Đồng thời, nên giảm mức thuế suất cao nhất từ 35% xuống 30% để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc tại Việt Nam.

- Nên nghiên cứu điều chỉnh phương án áp dụng thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản. Theo đó, nên áp dụng 2 phương án thuế suất. Trường hợp có đủ căn cứ thì tính thuế trên phần lợi nhuận. Nếu không đủ căn cứ thì tính thuế

trên giá chuyển nhượng. Tuy nhiên, để đảm bảo góp phần hạn chế đầu cơ bất động sản thì cả hai phương án đều nên áp dụng thuế suất giảm dần theo thời gian nắm giữ bất động sản.

- Nên nghiên cứu áp dụng tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 20% trên lợi nhuận để đảm bảo đúng bản chất của khoản thuế này. Việc tính thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán chỉ là tạm khấu trừ theo mỗi giao dịch. Cuối năm, khi quyết toán thuế, sẽ cho bù trừ lợi nhuận và lỗ của các giao dịch và tính thuế 20% trên lợi nhuận ròng của tất cả các giao dịch chuyển nhượng chứng khoán trong năm của cá nhân.

Thứ bảy, nên nghiên cứu điều chỉnh mức và cách thức điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh. Cụ thể là:

- Trong khoảng 5 năm tới nước ta vẫn ở nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình nên cần chấp nhận xác định mức giảm trừ gia cảnh tương đối cao so với GDP. Theo đó, cần xác định mức giảm trừ bản thân người nộp thuế sao cho đảm bảo tương đương khoảng 1,5 lần GDP bình quân đầu người (Nếu so với GDP theo ngang giá sức mua thì mức giảm trừ này chỉ bằng khoảng 0,6 lần, tức là tương đương với các nước có trình độ phát triển tương đồng).

- Nên bổ sung giảm trừ thêm một mức so với giảm trừ chung cho đối tượng người nộp thuế là người khuyết tật và người phụ thuộc của người nộp thuế là người khuyết tật.

- Nên bổ sung thêm giảm trừ cho chi phí giáo dục và y tế của người nộp thuế và người phụ thuộc là con của người nộp thuế theo chi phí thực tế có chứng từ hợp pháp nhưng giới hạn một ngưỡng giảm trừ tối đa phù hợp với mức trung bình chung của xã hội.

- Sau lần đầu tiên được quy định trong Luật, cần quy định mức giảm trừ gia cảnh được xác định hàng năm theo nguyên tắc điều chỉnh phù hợp với biến động của GDP bình quân đầu người và giao quyền cho Chính phủ quyết định mức giảm trừ gia cảnh hàng năm.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Tài chính (2025), *Tờ trình Chính phủ về Dự thảo Luật thuế TNCN (sửa đổi)*.

Lauren Kelly (2025), *US Capital Gains Tax Guide for Gold and Silver Investors*, <https://investingnews.com/daily/resource-investing/precious-metals-investing/gold-investing/tax-on-gold-silver-investments/>

Orobel (2025), *Taxation of Gold and Silver in European Union's Countries*, <https://www.oroel.biz/information/news/taxation-of-gold-and-silver-in-european-union-s-countries>

Lê Xuân Trường (2012), "Nâng mức giảm trừ gia cảnh", *Tạp chí Thuế Nhà nước*, số 12 (370), tháng 2/2012.

Lê Xuân Trường (2019), "Điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh", *Tạp chí Thuế Nhà nước*, số 38 (761), kỳ 1, tháng 9/2019.